

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-ST

Ngày: 09-5-2023

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thắng;

2. Ông Dương Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 394/2022/TLST-DS ngày 07/10/2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-DS ngày 27/3/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 204 đường T, khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lý Đức T, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 12000, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/11/2022).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1990; HKTT: Số 01, đường N2, khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Số 253 đường 13/3, khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Lý Đức T có mặt. Bị đơn bà Trần Thị Kim P vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện ngày 12/9/2022, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc T và đại diện nguyên đơn ông Lý Đức T trình bày:**

Ngày 25/8/2019, bà Huỳnh Ngọc T có cho bà Trần Thị Kim P vay số tiền 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*). Việc vay mượn tiền, bà P có lập văn bản mượn tiền theo tờ “Biên nhận mượn tiền”, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 25/8/2019, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Khi đến hạn trả nợ, bà P không có khả năng trả nợ gốc nên tiếp tục thỏa thuận miệng là trả tiền lãi hàng tháng với mức 1,5%/tháng. Thực hiện việc trả tiền lãi, bà P trả lãi được cho bà T đến hết tháng 5/2021. Từ tháng 6/2021 đến nay, bà P không trả tiền gốc cũng không trả tiền lãi. Nhiều lần bà T yêu cầu trả tiền vay gốc nhưng bà P cố tình tránh né không gặp cũng không nghe điện thoại.

Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2022, bà T yêu cầu bà P thanh toán số tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 6/2021 đến hết tháng 8/2022 là 15 tháng với số tiền: $250.000.000 \text{ đồng} \times 1.5\%/tháng \times 15 \text{ tháng} = 56.250.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng, bà T yêu cầu bà P phải thanh toán tổng số tiền cả gốc và lãi là 306.250.000 đồng (*ba trăm lẻ sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà T, ông T xác định bà T khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán tổng số tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 6/2021 đến hết tháng 8/2022 là 15 tháng với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, số tiền lãi suất cụ thể: $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 15 \text{ tháng} = 31.125.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng, bà T yêu cầu bà P thanh toán tổng số tiền cả gốc và lãi là 281.125.000 đồng (*hai trăm tám mươi một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

- *Chứng cứ nguyên đơn bà T cung cấp:* Đơn khởi kiện ngày 12/9/2022 của bà T (bản chính); “Biên nhận mượn tiền” ngày 25/8/2019 có chữ ký và ghi họ tên Trần Thị Kim P (bản sao); Hợp đồng ủy quyền giữa bà Huỳnh Ngọc T với ông Lý Đức T số công chứng 12000, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/11/2022 (bản chính); Bản tự khai lập ngày 01/12/2022 của ông Lý Đức T (bản chính).

*** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Kim P:**

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị Kim P nhưng bị đơn không có mặt để nhận và Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông T có mặt; bị đơn bà P

được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà P theo quy định. Quan hệ pháp luật tranh chấp “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lý Đức T có mặt. Bị đơn bà Trần Thị Kim P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Kim P theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, ông Thắng là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T xác định yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bà P thanh toán số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng theo “Biên nhận mượn tiền” ngày 25/8/2019 có chữ ký và ghi họ tên Trần Thị Kim P và tiền lãi tính từ tháng 6/2021 đến hết tháng 8/2022 là 15 tháng với mức lãi suất 10%/năm theo quy định.

Xét thấy, bị đơn bà P có nơi cư trú tại khu phố 2, thị trấn D, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại các Điều 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông T có mặt, bị đơn bà P vắng mặt, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà T, ông T xác định bà T khởi kiện là yêu cầu bà P thanh toán số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng theo “Biên nhận mượn tiền” ngày 25/8/2019 có chữ ký và ghi họ tên Trần Thị Kim P và tiền lãi tính từ tháng 6/2021 đến hết tháng 8/2022 là 15 tháng với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, số tiền lãi suất cụ thể: $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 31.125.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng, bà T yêu cầu bà P thanh toán tổng số tiền cả gốc và lãi là 281.125.000 đồng (*hai trăm tám mươi một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà P trả tiền lãi theo mức 1,5%/tháng mà trả theo mức 0,83%/tháng là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] *Đối với yêu cầu trả tiền vay gốc, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

Xem xét nội dung của “Biên nhận mượn tiền” ngày 25/8/2019 có chữ ký và ghi họ tên Trần Thị Kim P thể hiện: Ngày 25/8/2019, bà P có vay của bà T số

tiền 250.000.000 đồng, thời gian vay là 02 tháng, lãi suất theo thỏa thuận và trả lãi hàng tháng. Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà P tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng bà P vắng mặt không có lý do; đồng thời Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nhưng bà P cũng không tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến của mình.

Theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định bà P đã thanh toán khoản tiền vay gốc cho bà T nên bà P phải có trách nhiệm trả lại số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng cho bà T theo quy định.

[4.2] *Đối với yêu cầu trả tiền lãi suất, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

- Xem xét nội dung của “Biên nhận mượn tiền” ngày 25/8/2019 có chữ ký và ghi họ tên Trần Thị Kim P thể hiện: Ngày 25/8/2019, bà P có vay của bà T số tiền 250.000.000 đồng, thời gian vay là 02 tháng, lãi suất theo thỏa thuận và trả lãi hàng tháng. Ông T là đại diện theo ủy quyền của bà T xác định: Lãi suất vay hai bên thỏa thuận miệng theo “Biên nhận mượn tiền” ngày 25/8/2019 là 1,5%/tháng. Khi đến hạn trả nợ, bà P không có khả năng trả nợ gốc nên tiếp tục thỏa thuận miệng là trả tiền lãi hàng tháng với mức 1,5%/tháng. Thực hiện việc trả tiền lãi, bà P trả lãi cho bà T đến hết tháng 5/2021. Từ tháng 6/2021 đến nay, bà P không trả tiền gốc cũng không trả tiền lãi.

- Quá trình tố tụng, bà P vắng mặt nên không thể đối chất, thu thập chứng cứ chứng minh số tiền lãi theo như mức lãi suất phía nguyên đơn đưa ra. Theo “Biên nhận mượn tiền” ngày 25/8/2019, thời gian vay là 02 tháng. Như vậy, đến ngày 25/10/2019 là hết thời hạn vay tiền. Theo quy định tại các Điều 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, bà P phải có trách nhiệm trả tiền lãi suất theo mức 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) cho bà T đối với khoảng thời gian chưa trả theo quy định.

+ Quá trình tố tụng, nguyên đơn xác định, bị đơn bà P có tiếp tục trả tiền lãi vay đến hết tháng 5/2021, đây là sự tự nguyện thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn không có ý kiến gì.

+ Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi theo mức 0,83%/tháng từ đầu tháng 6/2021 đến hết tháng 8/2022 là 15 tháng, số tiền lãi cụ thể 31.125.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội dung đề nghị giải quyết là phù hợp pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 36, 39, 147, 217, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Huỳnh Ngọc T đối với bà Trần Thị Kim P.

1.1. Buộc bà Trần Thị Kim P có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Huỳnh Ngọc T tổng số tiền cả gốc và lãi là 281.125.000 đồng (*hai trăm tám mươi một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), trong đó số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*) theo “Biên nhận mượn tiền” ngày 25/8/2019 có chữ ký và ghi họ tên Trần Thị Kim P và tiền lãi suất tính từ đầu tháng 6/2021 đến hết tháng 8/2022 là 31.125.000 đồng (*ba mươi một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Huỳnh Ngọc T đối với bà Trần Thị Kim P đối với số tiền lãi suất giảm từ 1,5%/tháng xuống còn 0,83%/tháng (25.125.000 đồng) theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2022 của bà Huỳnh Ngọc T.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bà Trần Thị Kim P phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.056.250 đồng (*mười bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

3.1. Hoàn trả cho bà Huỳnh Ngọc T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.656.250 đồng (*bảy triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010912 ngày 28/9/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện đầu Tiếng.

4. Quyền kháng cáo:

4.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 09/5/2023).

4.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng